

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TCN22B** Năm học: **23-24**
Mã MH/MĐ: **MH10275** Học kỳ: **02**
Tên MH/MĐ: **Thực tập tốt nghiệp**
Số TC: **10**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2			Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2256201201478	Châu Chí	Bình	05/10/2007			9	9.0	8.5		8.8		8.8
2	2256201201480	Nguyễn Tấn	Đạt	18/07/1996			9.5	8.5	9.0		8.8		8.8
3	2256201201481	Trần Thành	Đạt	05/07/2005			7	7.5	7.8		7.6		7.6
4	2256201201483	Lương Anh	Kiệt	09/09/2007			8	8.5	9.0		8.8		8.7
5	2256201201484	Trần Trịnh Quốc	Kỳ	02/07/2007			8.5	8.0	8.5		8.3		8.3
6	2256201201485	Nguyễn Thành	Lợi	05/07/2001			9	8.0	8.0		8.0		8.1
7	2256201201486	Trần Yến	Nhi	20/09/2004			9	9.0	8.5		8.8		8.8
8	2256201201490	Lê Anh	Thư	31/01/2007			8	8.5	9.0		8.8		8.7
9	2256201201492	Trần Minh	Trí	12/04/2007			7	7.5	7.8		7.6		7.6
10	2256201201494	Lê Thị	Đông	20/08/1992			7.5	7.5	7.8		7.6		7.6
11	2256201201495	Võ Hải	Khoa	09/09/2007			6	8.0	8.0		8.0		7.8
12	2256201201496	Cao Chánh	Thông	21/08/2007			6	8.0	8.0		8.0		7.8
13	2256201201497	Nguyễn Chấn	Hưng	04/09/1998			7	8.0	8.5		8.3		8.2
14	2256201201498	Nguyễn Văn	Sang	22/05/2007			8	9.0	8.5		8.8		8.7

Châu Đốc, ngày 13 tháng 6 năm 2024

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Thị Thanh Thúy